| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ AN NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 109/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10.3.2021
"*V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

***-Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 10, thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

**** Bị đơn:*** Anh Hồ Ngọc H2, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 9, thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày:* Chị và anh Hồ Ngọc H2 có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng và tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã A. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng tại xóm 9, thôn K, xã N, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sau khi cưới về được 02 tháng

thì chị phát bệnh đau đầu, mệt mỏi trong người một tuần mà không khỏi nhưng chồng và gia đình chồng không quan tâm nên chị xin về nhà mẹ ruột ở chữa bệnh. Khi đó chị vào thành phố H khám bệnh thì phát hiện nhiều bệnh như tim có vấn đề, bị viêm xoang, rối loạn tiền đình nên chị ở lại nhà mẹ ruột để chữa dứt bệnh. Sau đó chồng và gia đình chồng đến nhưng không quan tâm gì đến bệnh tình của chị mà bảo chị phải về nhà chồng ở nhưng chị không đồng ý thì từ đó anh H2 và gia đình không không quan tâm, không đến nên chị ở luôn nhà cha mẹ ruột. Khoảng 01 năm sau thì mẹ chồng chị đến chửi bới và đòi vàng cưới nhưng chị nói để ra tòa giải quyết. Từ đó về sau chị và chồng chị không gặp nhau lần nào, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay; chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Hồ Ngọc H2.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng cưới 24k do gia đình anh H2 cho, gia đình chị cho 05 chỉ vàng 24k, tổng cộng 15 chỉ vàng 24k do chị quản lý. Chị xác định trong thời gian về nhà mẹ ruột ở chị đã bán 10 chỉ vàng để khám bệnh hết không còn, do lâu quá nên hóa đơn bị thất lạc mất. Còn 05 chỉ vàng 24k thì trong thời gian vợ chồng sống ly thân, các anh của chị cưới vợ nên chị đã cho lại hết hiện không còn.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, chị không yêu cầu giải quyết.

* *Theo đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Ngọc H2 trình bày:* Thống nhất như chị H1 trình bày về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh ở xã N. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn kình cãi, giữa cha mẹ anh và chị H1 cũng không có mâu thuẫn gì nhưng không hiểu sao chị H1 thường tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở. Sau 2 tháng chung sống, đến tháng 9/2015 chị H1 bỏ về nhà mẹ ruột ở hẳn. Lúc đi chị H1 mang theo 18 chỉ vàng cưới nên gia đình anh có làm đơn báo công an về việc chị H1 bỏ đi và mang vàng theo. Sau khi chị H1 bỏ đi, anh và gia đình mấy lần đến thuyết phục chị H1 về chung sống nhưng chị H1 không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay. Anh xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng cưới 24k do gia đình anh cho và 08 chỉ vàng 24k do phía gia đình vợ cho, tổng cộng 18 chỉ vàng 24k. Khi bỏ đi chị H1 mang theo và vẫn đang quản lý 18 chỉ vàng 24k. Ly hôn, anh yêu cầu chị H1 giao lại cho anh 07 chỉ vàng 24k, còn 03 chỉ vàng 24k thì giao cho chị H1 sở hữu. Riêng 08 chỉ vàng 24k do gia đình vợ cho thì anh không tranh chấp.

Tại phiên tòa, anh yêu cầu chị H1 giao 05 chỉ vàng cho anh sở hữu, còn 05 chỉ vàng thì giao chị H1 sở hữu.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55 luật hôn nhân gia đình và áp dụng các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Hồ Ngọc H2.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Hồ Ngọc H2 giao chị H1 sở hữu 05 chỉ vàng và buộc chị H1 phải giao anh H2 05 chỉ vàng.

4. Án phí: Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Hồ Ngọc H2 có thời gian tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong thời gian chung sống mới 02 tháng thì giữa chị H1 và anh H2 đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng nhưng giữa hai anh chị lại không thể giải quyết, hàn gắn, từ đó dẫn đến việc sống ly thân. Trong quá trình làm việc, hòa giải và tại phiên tòa chị H1, anh H2 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thống nhất ly hôn. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị H1, anh H2 thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân, hơn nữa vợ chồng sống ly thân trong khoảng thời gian dài nhưng cả hai lại không có biện pháp hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Hồ Ngọc H2.

[2] Về con chung: Không có, không giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

[3.1] Chị H1 xác định tài sản chung của vợ chồng có 15 chỉ vàng 24k là vàng cưới, trong đó phía chị cho 05 chỉ vàng y, phía anh H2 cho 10 chỉ vàng. Còn anh H2 xác định vợ chồng có 18 chỉ vàng, trong đó gia đình chị H1 cho 08 chỉ vàng, gia đình anh cho 10 chỉ vàng, hiện chị H1 đang quản lý nhưng anh chỉ tranh chấp yêu cầu chia 10 chỉ vàng, còn lại 08 chỉ vàng không tranh chấp. Tại phiên tòa, chị H1 anh H2 cùng thống nhất 10 chỉ vàng chia đôi, chị H1 sở hữu 05 chỉ vàng và có trách nhiệm giao anh

H2 sở hữu 05 chỉ vàng. Xét sự thỏa thuận chia vàng của chị H1 và anh H2 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

[3.2] Chị H1 yêu cầu khi nào làm có vàng thì mới giao vàng cho anh H2 nhưng không được anh H2 đồng ý và cũng không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu này của chị H1.

[4] Án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a, đ Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, 1.250.000đ [ cách tính (05 chỉ vàng tương đương số tiền 25.000.000đ x 5%)] án phí chia tài sản, tổng cộng là 1.550.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001453 ngày 17.11.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, chị H1 còn phải nộp 1.250.000đ. Anh Hồ Ngọc H2 phải chịu 1.250.000đ [cách tính (05 chỉ vàng tương đương số tiền 25.000.000đ x 5%)] án phí chia tài sản được trừ vào 2.025.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001499 ngày 31.12.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn 775.000đ hoàn trả cho anh H2.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

**1**/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Hồ Ngọc H2.

**2**/ Về con chung: Không có.

**3**/ Về tài sản chung:

3.1. Giao chị Nguyễn Thị Mỹ H1 sở hữu 05 (năm) chỉ vàng y 24k do chị H1 đang quản lý.

3.2. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H1 có nghĩa vụ giao 05 (năm) chỉ vàng y 24k cho anh Hồ Ngọc H2 sở hữu sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

3.3. Bác yêu cầu của chị H1 khi nào làm có vàng thì mới giao cho anh H2.

**4**/ Về án phí sơ thẩm:

4.1. Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, 1.250.000đ án phí chia tài sản, tổng cộng là 1.550.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001453 ngày 17.11.2020.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, chị H1 còn phải nộp 1.250.000đ (một triệu hai trăm, năm mươi nghìn đồng).

4.2. Anh Hồ Ngọc H2 phải chịu 1.250.000đ án phí chia tài sản được trừ vào 2.025.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001499 ngày 31.12.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn 775.000đ (bảy trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng) hoàn trả cho anh Hồ Ngọc H2.

**5**. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
*- TAND tỉnh Bình Định*
*- VKSND TX. An Nhơn*
*- Chi cục THA TX. An Nhơn*
*- UBND xã N*
*- Các đương sự*
*-Lưu hồ sơ*
*- Lưu án văn*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**